

Số: 383/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 1, ngày 29 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Bà Lê Thị Phương

**Thư ký phiên họp:** Bà Bé Thị Phương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:** Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 276/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 4487/2022/QĐ-MPH-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

Ông Nguyễn Trọng N; Địa chỉ: 47/8 đường N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Doãn Hoàng H; Địa chỉ: 23 đường L, phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên họp)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Trọng N trình bày:**

Ông và bà Doãn Hoàng H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54, ngày 19/3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách, vợ chồng không hòa hợp. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, đã sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được thuận tình ly hôn với bà Doãn Hoàng H để ổn định cuộc sống. Đồng thời do đang đi học trên đại học ở nước ngoài, phải đi làm thêm để có thu nhập trang trải cuộc sống, vợ chồng ông đã thống nhất thuận tình ly hôn, không có con chung, tài sản chung nên ông đề nghị Tòa án không tiến hành

hòa giải, mở phiên họp giải quyết vụ việc và cho ông được vắng mặt trong quá trình giải quyết.

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Doãn Hoàng H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Trọng N có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54, ngày 19/3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, đã sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được thuận tình ly hôn với ông Nguyễn Trọng N để ổn định cuộc sống. Đồng thời do ở xa, đi lại không thuận tiện, vợ chồng bà đã thống nhất thuận tình ly hôn, không có con chung, tài sản chung nên bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, mở phiên họp giải quyết vụ việc và cho bà được vắng mặt trong quá trình giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc. Về nội dung nhận thấy yêu cầu của đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức và quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự có trong hồ sơ việc dân sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1 công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét một trong các bên thuận tình ly hôn là ông Nguyễn Trọng N cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 2 Điều 29; Điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu của ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/6/2022, ngày 04/7/2022, bà Doãn Hoàng H có đơn yêu cầu mở phiên họp giải quyết việc dân sự và xin vắng mặt tại phiên họp; Ngày 13/6/2022, ngày 04/7/2022, ông Nguyễn Trọng N có đơn yêu cầu mở phiên họp giải quyết việc dân sự và xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 1 mở phiên họp giải quyết vụ việc vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Nhận thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54, cấp ngày 19/3/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H đều trình bày: Ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1 vào

ngày 19/3/2019. Quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách. Hai vợ chồng cố gắng nhưng không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

[2.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết, các đương sự lần lượt có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn thể hiện các đương sự không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ.

[2.4] Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên là có thực, nguyên nhân chủ yếu là do sự khác biệt về tính tình, lối sống và quan điểm, cả hai không có tiếng nói chung, không có trách nhiệm vợ chồng để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình. Sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H về việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H cùng chịu.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### *Áp dụng:*

Khoản 2 Điều 29; Điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 361; Khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 55 và 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự;

**1.** Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H.

**2.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 do Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/3/2019);

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Là 300.000 đồng, ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H cùng chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0005889 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Trọng N và bà Doãn Hoàng H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát ND Q.1;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS Q.1
- UBND P.N, Q1;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lê Thị Phương**